

BẢN SAO

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN IN TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 25/12/2015

Tháng 4 năm 2016.

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2-3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8-27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV In Tài Chính (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 25/12/2015.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc

Bà Trương Thị Dinh
Ông Nguyễn Văn Lương
Ông Trần Hồng Tuyền
Bà Lê Thanh Hà

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 02/03/2015)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Trương Thị Dinh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2016





Số: 193 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH MTV In Tài Chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV In Tài Chính (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22/04/2016, từ trang 04 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 25 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 25/12/2015 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 25/12/2015, Công ty có thực hiện kiểm kê hàng tồn kho, tuy nhiên do chúng tôi được bổ nhiệm kiểm toán sau ngày kết thúc kỳ kế toán nên chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho của Công ty. Chúng tôi cũng không thực hiện được thủ tục kiểm tra thay thế, do đó chúng tôi không đưa ra nhận xét về các ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 25/12/2015 của Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty chưa tính giá thành chi tiết theo các hướng dẫn của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Nếu áp dụng phương pháp tính giá thành sản phẩm chi tiết theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, thành phẩm và giá vốn hàng bán của Công ty có thể thay đổi. Chúng tôi cũng không thực hiện được thủ tục kiểm tra thay thế, do đó chúng tôi không đưa ra nhận xét về các ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 25/12/2015 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả người bán và trả trước cho người bán tại thời điểm 25/12/2015. Cụ thể: số dư các khoản công nợ phải thu khách hàng chưa đối chiếu được là 36.714.430.626 đồng (tương ứng với 73% trên tổng số dư), trả trước cho người bán là 415.183.947 đồng (tương ứng với 96% trên tổng số dư) và phải trả người bán là 5.093.192.995 đồng (tương ứng với 28% trên tổng số dư). Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế, nên chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp, do đó chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 25/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 25/12/2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề nhân mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 13 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang ghi nhận giá trị tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất (theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 05/12/2008 ký với Công ty Cổ phần Cơ khí Điện tử Lữ Gia) với số tiền là 22.393.194.647 đồng. Theo đó, Công ty được quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Tân Bình đến ngày 17/06/2047. Công ty chưa tách riêng giá trị tài sản trên đất để hạch toán sang tài sản cố định hữu hình mà đang trình bày chung trên chỉ tiêu quyền sử dụng đất trong giá trị tài sản cố định vô hình và trích khấu hao.

Tại ngày 25/12/2015, Công ty đã chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100111225 ngày 25/12/2015 với tên gọi mới là Công ty Cổ phần In tài chính. Do đó, báo cáo này được lập cho mục đích chuyển đổi số liệu từ công ty TNHH MTV sang công ty cổ phần và Công ty đã điều chỉnh giá trị các khoản mục được đánh giá lại theo quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp.

Như trình bày tại Thuyết minh số 20 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính như sau: Quỹ đầu tư phát triển là 4.538.242.064 đồng, Quỹ khen thưởng phúc lợi là 3.113.548.965 đồng, Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành là 96.516.667 đồng và kết chuyển toàn bộ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại về Quỹ hỗ trợ và sắp xếp doanh nghiệp. Việc Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận như trên chưa được Bộ Tài chính phê duyệt.



Bùi Ngọc Bình
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0657-2015-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2016

Chử Mạnh Hoan
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 25 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	25/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		254.651.725.011	108.253.893.292
I. Tiền	110	5	152.415.110.620	30.201.540.412
1. Tiền	111		108.415.110.620	17.201.540.412
2. Các khoản tương đương tiền	112		44.000.000.000	13.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	19.000.000.000	26.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		19.000.000.000	26.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51.220.022.259	18.544.985.279
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	50.178.431.679	20.105.864.898
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		431.683.947	600.068.462
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	609.906.633	301.415.568
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(2.462.363.649)
IV. Hàng tồn kho	140	9	31.708.615.447	32.825.355.481
1. Hàng tồn kho	141		31.708.615.447	32.825.355.481
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		307.976.685	682.012.120
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	278.357.617	622.432.782
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		29.619.068	-
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	153	17	-	59.579.338
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		157.858.441.912	130.538.497.146
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	100.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	-	100.000.000
II. Tài sản cố định	220		126.961.118.837	82.761.331.645
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	62.764.499.648	54.679.795.487
- Nguyên giá	222		294.566.213.465	287.327.284.927
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(231.801.713.817)	(232.647.489.440)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	45.928.486.715	9.224.109.088
- Nguyên giá	225		103.085.985.987	51.655.038.088
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(57.157.499.272)	(42.430.929.000)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	18.268.132.474	18.857.427.070
- Nguyên giá	228		35.720.849.261	35.720.849.261
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.452.716.787)	(16.863.422.191)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		133.488.454	47.548.203.481
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	133.488.454	47.548.203.481
IV. Tài sản dài hạn khác	260		30.763.834.621	128.962.020
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	30.763.834.621	128.962.020
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		412.510.166.923	238.792.390.438

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 25 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	25/12/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		188.284.488.656	84.400.770.829
I. Nợ ngắn hạn	310		156.271.050.390	49.787.237.701
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	17.924.999.396	8.295.407.792
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	12.063.293.979	19.924.766.981
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	877.664.564	2.681.046.901
4. Phải trả người lao động	314		9.094.277.153	2.813.540.634
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		342.410.584	147.499.680
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	101.604.440.506	341.609.977
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	11.257.123.848	11.152.231.540
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.106.840.360	4.431.134.196
II. Nợ dài hạn	330		32.013.438.266	34.613.533.128
1. Phải trả dài hạn khác	337		764.360.000	740.160.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	31.249.078.266	33.873.373.128
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		224.225.678.267	154.391.619.609
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	224.225.678.267	154.391.619.609
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	110.621.321.904
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.930.478.926	32.854.264.215
3. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		18.295.199.341	10.916.033.490
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		412.510.166.923	238.792.390.438

Nguyễn Văn Quang
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2016

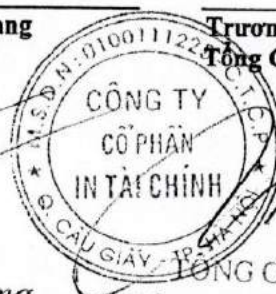


Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Văn Quang

Trương Thị Định
Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC
Trương Thị Định



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 25/12/2015

MẪU SỐ B 02 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2015	Năm 2014
			đến 25/12/2015	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	224.277.756.280	207.058.347.271
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. vụ (10 = 01 - 02)	10		224.277.756.280	207.058.347.271
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	23	178.878.240.055	157.894.496.037
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45.399.516.225	49.163.851.234
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	2.184.058.254	794.495.387
7. Chi phí tài chính	22	25	4.690.008.278	2.926.458.939
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		4.620.850.011	2.926.458.939
8. Chi phí bán hàng	25	27	10.159.425.519	6.990.360.601
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	12.949.636.969	14.919.876.186
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		19.784.503.713	25.121.650.895
11. Thu nhập khác	31		183.631.698	300.420.470
12. Chi phí khác	32		26.009.600	14.962.861
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		157.622.098	285.457.609
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		19.942.125.811	25.407.108.504
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	4.396.264.532	5.589.563.871
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		15.545.861.279	19.817.544.633

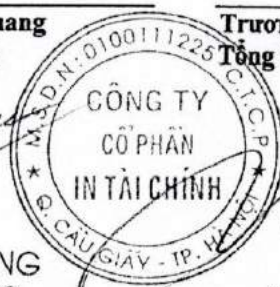
Nguyễn Văn Quang
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2016

Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Văn Quang

Trương Thị Dinh
Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC
Trương Thị Dinh



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 25/12/2015

MẪU SỐ B 03 - DN
Đơn vị: VND

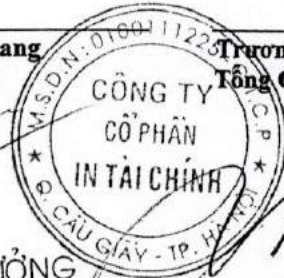
CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày	
		01/01/2015 đến	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	206.766.514.396	271.902.990.136
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(140.358.487.660)	(139.782.168.241,00)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(18.554.218.542)	(23.522.958.683,00)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(4.495.097.374)	(3.337.571.526)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(5.865.859.666)	(8.456.640.708)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	5.541.232.797	937.458.620,00
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(19.309.337.330)	(16.796.114.147,00)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	23.724.746.621	80.944.995.451
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn	21	(545.627.000)	(172.915.455)
2. Tiền chi cho vay, mua sắm công cụ nợ của đơn vị khác	23	(12.000.000.000)	(34.345.760.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	19.000.000.000	15.345.760.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.897.563.897	794.495.387
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	8.351.936.897	(18.378.420.068)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	101.289.118.230	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(11.152.231.540)	(29.357.297.856)
3. Tiền trả nợ thuế tài chính	35	-	(17.535.062.177)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	90.136.886.690	(46.892.360.033)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	122.213.570.208	15.674.215.350
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	30.201.540.412	14.527.325.062
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	152.415.110.620	30.201.540.412

Nguyễn Văn Quang
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2016

Nguyễn Văn Quang

Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quang
KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Văn Quang



Trương Thị Dinh
Tổng Giám đốc

Trương Thị Dinh
TỔNG GIÁM ĐỐC
Trương Thị Dinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẤU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV In Tài chính trước đây là Công ty In Tài chính được thành lập theo Quyết định số 240TC/TCCB ngày 27 tháng 4 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Tài chính với tên gọi ban đầu là Nhà In Tài chính, sau đó đổi tên là Công ty In Tài chính theo Quyết định số 925TC/TCCB ngày 17 tháng 8 năm 1995 của Bộ Tài chính.

Trong năm 2010, Công ty đã hoàn tất việc chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty TNHH MTV và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100111225 ngày 18/10/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với tên gọi mới là Công ty TNHH MTV In Tài chính.

Tại ngày 25/12/2015, Công ty hoàn tất các thủ tục cổ phần hóa, chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần In Tài chính và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 25/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với tên gọi mới là Công ty Cổ phần In Tài chính.

Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 24 ngõ 115 phố Trần Cung, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Công ty có Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh tại địa chỉ số 132 đường Cộng Hòa, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 25/12/2015 là 212 người (tại ngày 01/01/2015 là 244 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in;
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy ngành in;
- Bán buôn máy in, giấy các loại;
- Bán buôn kềm thành phẩm;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại với mục đích so sánh như tại thuyết minh số 32 - Số liệu so sánh.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo này được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2015 đến ngày 25/12/2015 cho mục đích chuyển đổi số liệu từ Công ty TNHH MTV In Tài chính sang Công ty Cổ phần In Tài chính. Công ty đã điều chỉnh giá trị một số khoản mục theo báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản hướng dẫn.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm các thành viên của Ban Tổng Giám đốc.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Trong năm, Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho là nguyên vật liệu được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền quý. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty đang xác định giá trị tồn kho của thành phẩm tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán bằng cách kiểm đếm số lượng các thành phẩm đang tồn tại thời điểm cuối kỳ rồi nhân với đơn giá bán trên hợp đồng đã ký với nhà cung cấp và nhân với 60% là giá trị tồn kho thành phẩm bằng giá trị nguyên vật liệu.

Công ty đang xác định giá trị tồn kho của Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm cuối năm bằng cách đánh giá chi phí nguyên vật liệu cấu thành nên Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và chi phí sản xuất chung được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu bán hàng trên doanh thu hợp đồng mà không có chi phí nhân công.

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, chính sách đánh giá giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm như đã nêu trên là phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế tại Công ty.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tại ngày 25/12/2015, nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình và giá trị hao mòn lũy kế đã được điều chỉnh lại theo báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/09/2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị quản lý được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian gian sử dụng ước tính của tài sản cố định hàng năm như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 06
Tài sản cố định khác	03 - 06

Tài sản cố định thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn. Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao tương ứng với thời gian thuê tài sản là 07 năm.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm kế toán, quyền sử dụng đất tại lô 3-16 đường số 13, Khu công nghiệp Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh và quyền sử dụng đất tại số 136 đường Cộng Hòa thành phố Hồ Chí Minh. Các tài sản này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao lần lượt là 03 năm, 38 năm và 8 năm.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, các dụng cụ hành chính, các chi phí phát sinh trong thời gian dài phục vụ cho hoạt động sản xuất và lắp đặt sản phẩm, lợi thế kinh doanh phát sinh do xác định giá trị doanh nghiệp.

Các khoản chi phí công cụ dụng cụ, các chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất và lắp đặt sản phẩm được phân bổ hàng năm vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm hoặc theo số năm thực tế phát sinh.

Lợi thế kinh doanh được phân bổ hàng năm theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Do đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đang ghi nhận doanh thu đối với hoạt động in tem thuốc lá, tem rượu trên cơ sở biên bản nghiệm thu cuối cùng giữa hai bên. Theo đó, trong năm một vài lô hàng được xuất kho vào cuối năm (chưa có được biên bản nghiệm thu cuối cùng giữa hai bên) sẽ được ghi nhận doanh thu vào kỳ sau tương ứng. Việc ghi nhận này được tính gộp đầu từ các năm trước.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận trên cơ sở (i) Tổng chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong năm trừ (-) đi (ii) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (theo giá trị của số lượng nguyên vật liệu trực tiếp đã xuất sử dụng nhưng tồn kho dở dang) và (iii) Giá trị thành phẩm tồn kho chưa nghiệm thu bàn giao với khách hàng (theo giá trị của số lượng nguyên vật liệu trực tiếp cấu thành nên thành phẩm và chi phí sản xuất chung không bao gồm lương phân bổ cho thành phẩm tồn kho cuối năm). Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, chính sách ghi nhận giá vốn như đã nêu trên là phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế tại Công ty.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	25/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	297.500.249	633.763.149
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	108.117.610.371	16.567.777.263
Các khoản tương đương tiền (i)	44.000.000.000	13.000.000.000
	152.415.110.620	30.201.540.412

Ghi chú (i): Các khoản tương đương tiền cuối kỳ là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Hà Nội và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long với lãi suất 4%/năm.

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	25/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn	19.000.000.000	19.000.000.000	26.000.000.000	26.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	19.000.000.000	19.000.000.000	26.000.000.000	26.000.000.000

Ghi chú (i): Tiền gửi có kỳ hạn cuối kỳ là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 05 - 06 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Hà Nội và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long với lãi suất 5,3 - 6,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	25/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	50.178.431.679	20.105.864.898
Tổng Cục Thuế	19.331.006.640	2.366.067.000
Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Prudential VN	4.512.734.320	883.300.728
Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.058.426.369	1.014.932.050
Kho bạc nhà nước	2.362.415.000	-
Cục Đăng kiểm Việt Nam	1.671.263.980	1.184.191.594
Cục Thuế các tỉnh	1.264.400.891	1.866.100.891
Tạp chí Thuế Nhà Nước	766.244.056	145.799.390
Chi nhánh Công ty cổ phần BOT đường tránh Thanh	661.564.030	264.098.230
Ban quản lý khu di tích và thắng cảnh Hương Sơn	576.180.000	617.832.600
Tạp chí quản lý ngân quỹ Quốc gia	509.242.073	527.688.875
Các đối tượng khác	15.464.954.320	11.235.853.540

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	25/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	609.906.633	-	302.415.568	-
Ký cược, ký quỹ	35.533.900	-	2.910.000	-
Phải thu khác:	574.372.733	-	298.505.568	-
<i>Phải thu cán bộ công nhân viên</i>	180.170.806	-	131.953.101	-
<i>Lãi dự thu các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn</i>	286.488.958	-	-	-
<i>Phải thu về cổ phần hóa</i>	31.818.182	-	-	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	75.894.787	-	166.552.467	-
b) Dài hạn	-	-	100.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	100.000.000	-

9. HÀNG TỒN KHO

	25/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	18.413.654.116	-	20.049.809.480	-
Công cụ, dụng cụ	1.250.000	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.003.599.180	-	2.801.387.180	-
Thành phẩm	3.233.918.251	-	9.924.219.921	-
Hàng hoá	56.193.900	-	49.938.900	-
Tổng cộng	31.708.615.447	-	32.825.355.481	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	25/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	278.357.617	622.432.782
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	278.357.617	622.432.782
b) Dài hạn	30.763.834.621	128.962.020
Lợi thế kinh doanh (sau XDDGTDN) (i)	29.759.153.663	-
Chênh lệch đánh giá công cụ dụng cụ	577.774.261	-
Chi phí dài hạn khác	426.906.697	128.962.020

Ghi chú (i): Lợi thế kinh doanh được xác định dựa trên báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp. Công ty bắt đầu tính giá trị phân bổ lợi thế kinh doanh từ ngày chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần với thời gian là 05 năm.

CÔNG TY TNHH MTV IN TÀI CHÍNH
Số 24 ngõ 115, phố Trần Hưng Đạo, phường Nghĩa Tân
Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015
đến ngày 25/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ B 09-DN

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ

Tại ngày 01/01/2015

Tăng do mua sắm mới trong năm

Tăng do đánh giá lại tài sản

Tại ngày 25/12/2015

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
	42.449.207.807	232.001.942.732	7.178.793.419	5.697.340.969	287.327.284.927
	-	470.627.000	-	-	470.627.000
	6.377.898.993	390.402.545	-	-	6.768.301.538
	48.827.106.800	232.862.972.277	7.178.793.419	5.697.340.969	294.566.213.465

GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ

Tại ngày 01/01/2015

Khấu hao trong năm

Tăng/(Giảm) do đánh giá lại tài sản

Tại ngày 25/12/2015

	23.997.775.214	197.348.136.542	5.611.739.288	5.689.838.396	232.647.489.440
	2.833.505.380	14.083.821.293	506.806.684	9.502.755	17.433.636.112
	532.044.297	(18.811.456.032)	-	-	(18.279.411.735)
	27.363.324.891	192.620.501.803	6.118.545.972	5.699.341.151	231.801.713.817

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 25/12/2015

Tại ngày 01/01/2015

	21.463.781.909	40.242.470.474	1.060.247.447	(2.000.182)	62.764.499.648
	18.451.432.593	34.653.806.190	1.567.054.131	7.502.573	54.679.795.487

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp một số máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 25/12/2015 là 59.834.558.171 đồng (tại ngày 01/01/2015 là 10.895.830.102 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 25/12/2015 là 192.837.948.168 đồng (tại ngày 01/01/2015 là 171.524.545.989 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-ĐN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2015	51.655.038.088	51.655.038.088
Mua sắm mới	51.430.947.899	51.430.947.899
Tại ngày 25/12/2015	103.085.985.987	103.085.985.987
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2015	42.430.929.000	42.430.929.000
Khấu hao trong năm	14.726.570.272	14.726.570.272
Tại ngày 25/12/2015	57.157.499.272	57.157.499.272
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2015	9.224.109.088	9.224.109.088
Tại ngày 25/12/2015	45.928.486.715	45.928.486.715

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	33.593.194.647	2.127.654.614	35.720.849.261
Tại ngày 25/12/2015	33.593.194.647	2.127.654.614	35.720.849.261
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	14.735.767.577	2.127.654.614	16.863.422.191
Khấu hao trong năm	589.294.596	-	589.294.596
Tại ngày 25/12/2015	15.325.062.173	2.127.654.614	17.452.716.787
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2015	18.857.427.070	-	18.857.427.070
Tại ngày 25/12/2015	18.268.132.474	-	18.268.132.474

Ghi chú: (i) Công ty đang ghi nhận giá trị quyền sử dụng đất (theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 05/12/2008 ký với Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử Lữ Gia) với số tiền là 22.393.194.647 VND. Theo đó, Công ty được quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Tân Bình đến ngày 17/06/2047. Công ty chưa tách riêng giá trị tài sản trên đất để hạch toán sang tài sản cố định hữu hình mà đang trình bày chung trên chỉ tiêu quyền sử dụng đất trong giá trị tài sản cố định vô hình và trích khấu hao.

Nguyên giá của những tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 25/12/2015 là 13.327.654.614 đồng (tại ngày 01/01/2015 là 13.327.654.614 đồng).

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	25/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Xây dựng cơ bản dở dang	133.488.454	133.488.454	47.548.203.481	47.548.203.481
Mua sắm tài sản	-	-	47.414.715.027	47.414.715.027
Đầu tư công trình xây dựng cơ bản	133.488.454	133.488.454	133.488.454	133.488.454
<u>Trong đó:</u>				
Tổ hợp chung cư và VP cho thuê TP.HCM	27.272.727	27.272.727	27.272.727	27.272.727
Xưởng SX-VP/Công ty ITC-2012	106.215.727	106.215.727	106.215.727	106.215.727

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	25/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	17.924.999.396	17.924.999.396	8.295.407.792	8.295.407.792
DNTN Sản Xuất Thương Mại Phùng Vinh Hung	7.454.188.434	7.454.188.434	-	-
Công ty Cổ Phần Giấy Phùng Vinh Hung	2.912.334.216	2.912.334.216	1.951.971.890	1.951.971.890
Xí nghiệp giấy XZ 72	1.585.093.792	1.585.093.792	674.670.742	674.670.742
Chi nhánh Công ty TNHH TMDV Vũ Hoàng Minh tại Hà nội	1.293.277.559	1.293.277.559	-	-
Công ty TNHH Thương mại và đầu tư phát triển công nghệ	744.611.331	744.611.331	751.019.041	751.019.041
Công ty TNHH XNK Thuận Phát	30.579.092	30.579.092	621.071.885	621.071.885
Các khách hàng khác	3.904.914.972	3.904.914.972	4.296.674.234	4.296.674.234

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	25/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.063.293.979	19.924.766.981
Văn phòng Bảo hiểm xã hội Việt Nam	6.254.000.000	-
Tổng cục thuế	4.429.493.043	18.541.924.500
Các đối tượng khác	1.379.800.936	1.382.842.481

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	25/12/2015
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp	2.681.046.901	28.955.571.585	30.758.953.922	877.664.564
Thuế GTGT phải nộp	793.943.834	23.563.876.439	23.716.155.367	641.664.906
Thuế thu nhập cá nhân	19.025.000	93.811.477	99.113.384	13.723.093
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.861.572.067	4.435.409.257	6.079.071.759	217.909.565
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	794.843.038	794.843.038	-
Các loại thuế khác	-	18.350.374	18.350.374	-
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	6.506.000	49.281.000	51.420.000	4.367.000
b) Phải thu	59.579.338	87.369.588	27.790.250	-
Thuế thu nhập cá nhân	59.579.338	87.369.588	27.790.250	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>25/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	101.604.440.506	341.609.977
Kinh phí công đoàn	52.458.665	74.958.412
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	133.363.368	(17.196.175)
Phải trả về cổ phần hoá (i)	100.130.234.336	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.800.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.267.584.137	283.847.740
<i>Trợ cấp của 19 CNV tại C.ty thuộc diện sắp xếp C</i>	<i>869.664.084</i>	<i>-</i>
<i>Thù lao của Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc CPH</i>	<i>136.500.000</i>	<i>-</i>
<i>Ngân hàng TMCP Bảo Việt</i>	<i>177.134.723</i>	<i>177.134.723</i>
<i>Đối tượng khác</i>	<i>84.285.330</i>	<i>106.713.017</i>
b) Dài hạn	764.360.000	740.160.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	764.360.000	740.160.000

Ghi chú (i): Phải trả về cổ phần hóa là khoản phải trả về Ngân sách Nhà nước tiền thu về do bán cổ phần của Nhà nước.

CÔNG TY TNHH MTV IN TÀI CHÍNHSố 24 ngõ 115, phố Trần Cung, phường Nghĩa Tân
Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015
đến ngày 25/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	25/12/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	VND	VND	trả nợ
a) Nợ dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Á Châu	11.257.123.848	11.257.123.848	11.152.231.540	11.257.123.848	11.152.231.540	11.152.231.540
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính-Ngân Hàng Ngoại thương Việt Nam	5.555.560.000	5.555.560.000	5.555.560.000	5.555.560.000	5.555.560.000	5.555.560.000
	5.701.563.848	5.701.563.848	5.596.671.540	5.701.563.848	5.596.671.540	5.596.671.540
b) Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Á Châu	4.166.650.000	4.166.650.000	5.555.560.000	-	9.722.210.000	9.722.210.000
	4.166.650.000	4.166.650.000	5.555.560.000	-	9.722.210.000	9.722.210.000
c) Nợ thuế tài chính dài hạn						
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính-Ngân Hàng Ngoại thương Việt Nam	27.082.428.266	27.082.428.266	5.701.563.848	8.632.828.986	24.151.163.128	24.151.163.128
	27.082.428.266	27.082.428.266	5.701.563.848	8.632.828.986	24.151.163.128	24.151.163.128

Vay dài hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số NHN.DN.01220812 ngày 22/08/2012. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 25.000.000.000 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ và được trả hàng quý bắt đầu từ tháng 06/2013. Công ty đã sử dụng một số máy móc thiết bị để thế chấp cho khoản vay này (Xem thuyết minh số 12).

Nợ dài hạn thuế tài chính theo Hợp đồng thuế tài chính số 22.14.05/CTTC ngày 22/07/2014. Tài sản thuế là 01 máy in cuộn Gallus EM 430 S và 01 thiết bị rửa lò Anilox Ultra Clean NW-2; Số tiền cho thuê là 30.415.425.078 đồng; Thời gian thuê 84 tháng kể từ ngày Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chuyển khoản tiền đầu tiên cho Bên cung cấp; Cứ 3 tháng trả gốc 1 lần theo lịch trả nợ nợ gốc; Lãi cho thuê được tính từ ngày Bên cho thuê trả khoản tiền đầu tiên cho Bên cung cấp; Lãi suất cho thuê tài chính được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần và được tính bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản VND do Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 2,4%/năm.

Nợ dài hạn thuế tài chính theo Hợp đồng thuế tài chính số 22.14.06/CTTC ngày 22/07/2014. Tài sản thuế là 01 hệ thống in phun Kodak Prosper S-5; Số tiền cho thuê là 10.499.720.000 đồng; Thời gian thuê 84 tháng kể từ ngày Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chuyển khoản tiền đầu tiên cho Bên cung cấp; Cứ 3 tháng trả gốc 1 lần theo lịch trả nợ nợ gốc; Lãi cho thuê được tính từ ngày Bên cho thuê trả khoản tiền đầu tiên cho Bên cung cấp; Lãi suất cho thuê tài chính được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần và được tính bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản VND do Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 2,4%/năm.

CÔNG TY TNHH MTV IN TÀI CHÍNH
Số 24 ngõ 115, phố Trần Cung, phường Nghĩa Tân
Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015
đến ngày 25/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÁU B 09-DN

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	25/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	11.257.123.848	11.152.231.540
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	26.972.905.392	28.361.815.392
Sau năm năm	4.276.172.874	5.511.557.736
Nợ dài hạn đến hạn trả	42.506.202.114	45.025.604.668
Số phải trả sau 12 tháng	11.257.123.848	11.152.231.540
	31.249.078.266	33.873.373.128

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi vốn Chủ sở hữu trong năm

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Lợi nhuận/(Lỗ) sau	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	110.621.321.904	27.040.244.100	72.825.000	-	137.734.391.004
Lãi trong năm	-	-	-	19.817.544.633	19.817.544.633
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	5.918.020.115	10.843.208.490	(19.726.733.715)	(2.965.505.110)
Giảm khác	-	(104.000.000)	-	(90.810.918)	(194.810.918)
Tại ngày 01/01/2015	110.621.321.904	32.854.264.215	10.916.033.490	-	154.391.619.609
Lãi trong kỳ	89.378.678.096	-	-	15.545.861.279	15.545.861.279
Tăng do Xác định giá trị doanh nghiệp	-	-	-	-	89.378.678.096
Điều chỉnh tăng vốn Nhà nước	-	(31.462.027.353)	-	-	(31.462.027.353)
Phân phối lợi nhuận trong năm (i)	-	4.538.242.064	7.379.165.851	(15.127.473.548)	(3.210.065.633)
Tăng khác	-	-	-	214.433.972	214.433.972
Giảm khác	-	-	-	(632.821.703)	(632.821.703)
Tại ngày 25/12/2015	200.000.000.000	5.930.478.926	18.295.199.341	-	224.225.678.267

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Ghi chú (i): Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính như sau: Quỹ đầu tư phát triển là 4.538.242.064 đồng, Quỹ khen thưởng phúc lợi là 3.113.548.965 đồng, và Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành là 96.516.667 đồng, và kết chuyển toàn bộ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại về Quỹ hỗ trợ và sắp xếp doanh nghiệp. Việc Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận như trên chưa được Bộ Tài chính phê duyệt.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100111225 ngày 25/12/2015, Công ty đã chính thức chuyển thành công ty cổ phần với tên gọi mới là Công ty Cổ phần In tài chính. Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng.

Chi tiết vốn góp của các cổ đông tại ngày 25/12/2015 như sau:

	Tại ngày 25/12/2015		Tại ngày 01/01/2015	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Vốn Nhà nước - Bộ Tài chính	98.000.000.000	49%	110.621.321.904	100%
Ông Đàm Quang Tùng	40.000.000.000	20%	-	0%
Quỹ đầu tư Japan Asia MB Capital	20.000.000.000	10%	-	0%
Các đối tượng khác	42.000.000.000	21%	-	0%
Cộng	200.000.000.000	100%	110.621.321.904	100%

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	25/12/2015	01/01/2015
1. Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	668.086.944	25.203.875
2. Nợ khó đòi đã xử lý	80.838.470	80.838.470
3. Ngoại tệ các loại		
USD	54,25	65,16

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2015 đến 25/12/2015	Năm 2014
	VND	VND
a) Doanh thu	224.277.756.280	207.058.347.271
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	223.249.238.805	205.413.023.292
Doanh thu khác	1.028.517.475	1.645.323.979
b) Doanh thu đối với bên liên quan	-	-

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2015 đến 25/12/2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	178.878.240.055	157.894.496.037
	178.878.240.055	157.894.496.037

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2015 đến 25/12/2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.184.058.254	794.495.387
	2.184.058.254	794.495.387

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2015 đến 25/12/2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền vay	4.620.850.011	2.926.458.939
Chi phí tài chính khác	69.158.267	
	4.690.008.278	2.926.458.939

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2015 đến 25/12/2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.916.567.402	81.778.020.042
Chi phí nhân công	20.764.256.868	25.297.266.574
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.749.500.980	25.866.897.320
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.329.249.508	26.838.953.948
Chi phí khác	7.568.406.611	7.333.881.691
	149.327.981.369	167.115.019.575

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ ngày 01/01/2015 đến 25/12/2015 VND	Năm 2014 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong n:	12.949.636.969	14.919.876.186
Chi phí nhân viên quản lý	6.352.791.038	4.716.745.804
Thuế, phí và lệ phí	1.590.858.833	1.336.542.713
Khấu hao TSCĐ	537.514.899	543.232.336
Dịch vụ mua ngoài	3.029.131.410	3.474.994.339
Chi phí khác	1.439.340.789	4.848.360.994
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	10.159.425.519	6.990.360.601
Chi phí vật liệu bao bì	5.240.559.110	2.880.355.468
Dịch vụ mua ngoài	2.671.789.586	2.396.340.574
Chi phí khác	2.247.076.823	1.713.664.559

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2015 đến 25/12/2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	19.942.125.811	25.407.108.504
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	40.894.791	-
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	-	-
<i>Cộng: Chi phí không được khấu trừ</i>	40.894.791	-
Thu nhập chịu thuế	19.983.020.602	25.407.108.504
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.396.264.532	5.589.563.871

Trong năm, Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá không có sự khác biệt đáng kể giữa lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế TNDN. Tuy nhiên, việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

29. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Từ ngày 01/01/2015 đến 25/12/2015	Năm 2014
	VND	VND
Lương, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.041.221.168	1.554.381.574

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	25/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay	42.506.202.114	45.025.604.668
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(152.415.110.620)	(30.201.540.412)
Nợ thuần	(109.908.908.506)	14.824.064.256
Vốn chủ sở hữu	224.225.678.267	154.391.619.609
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	10%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	152.415.110.620	30.201.540.412
Phải thu khách hàng và phải thu khác	50.788.338.312	18.044.916.817
Đầu tư tài chính ngắn hạn	19.000.000.000	26.000.000.000
Tổng cộng	<u>222.203.448.932</u>	<u>74.246.457.229</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản nợ thuê tài chính	27.082.428.266	24.151.163.128
Các khoản vay	15.423.773.848	20.874.441.540
Phải trả người bán và phải trả khác	119.529.439.902	8.637.017.769
Chi phí phải trả	342.410.584	147.499.680
Tổng cộng	<u>162.378.052.600</u>	<u>53.810.122.117</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Tại thời điểm 25/12/2015, Công ty không có các khoản đầu tư cổ phiếu cho mục đích thương mại, theo đó Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tại 31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	152.415.660.565	-	152.415.660.565
Phải thu khách hàng và phải thu khác	50.787.788.367	-	50.787.788.367
Đầu tư tài chính ngắn hạn	19.000.000.000	-	19.000.000.000
Tổng cộng	222.203.448.932	-	222.203.448.932
Tại 31/12/2015			
Các khoản nợ thuế tài chính	-	27.082.428.266	27.082.428.266
Các khoản vay	11.257.123.848	4.166.650.000	15.423.773.848
Phải trả người bán và phải trả khác	118.765.079.902	764.360.000	119.529.439.902
Chi phí phải trả	342.410.584	-	342.410.584
Tổng cộng	130.364.614.334	32.013.438.266	162.378.052.600
Chênh lệch thanh khoản thuần	91.838.834.598	(32.013.438.266)	59.825.396.332
	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.201.540.412	-	30.201.540.412
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.944.916.817	100.000.000	18.044.916.817
Đầu tư tài chính ngắn hạn	26.000.000.000	-	26.000.000.000
Tổng cộng	74.146.457.229	100.000.000	74.246.457.229
Tại 01/01/2015			
Các khoản nợ thuế tài chính	-	24.151.163.128	24.151.163.128
Các khoản vay	11.152.231.540	9.722.210.000	20.874.441.540
Phải trả người bán và phải trả khác	7.896.857.769	740.160.000	8.637.017.769
Chi phí phải trả	147.499.680	-	147.499.680
Tổng cộng	19.196.588.989	34.613.533.128	53.810.122.117
Chênh lệch thanh khoản thuần	54.949.868.240	(34.513.533.128)	20.436.335.112

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Tại ngày 25/12/2015, Công ty đã chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần In Tài chính theo chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu số 0100111225 ngày 25/12/2015 với tên gọi mới là Công ty Cổ phần In Tài chính.

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán.

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại lại/trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Chênh lệch VND
Bảng cân đối kế toán			
Các khoản phải thu khác	166.552.467	301.415.568	134.863.101
Tài sản ngắn hạn khác	134.863.101	-	(134.863.101)
Phải thu dài hạn khác	-	100.000.000	100.000.000
Tài sản dài hạn khác	100.000.000	-	(100.000.000)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	11.152.231.540	11.152.231.540
Vay và nợ ngắn hạn	11.152.231.540	-	(11.152.231.540)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	33.873.373.128	33.873.373.128
Vay và nợ dài hạn	33.873.373.128	-	(33.873.373.128)

Nguyễn Văn Quang
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2016

Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng

Trương Thị Dinh
Tổng Giám đốc



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 167/Quyển số: SGT/BS

Nguyễn Văn Quang
Ngày 04-05-2017

TỔNG GIÁM ĐỐC
Trương Thị Dinh



CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG NGHĨA TÂN

PHÓ CHỦ TỊCH
Lâm Văn Thảo

